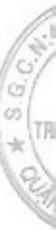




**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -
Thương mại Ngọc Nghĩa**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa **Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 18 lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

| | | |
|--------------------------|-------------------------|---|
| Hội đồng Quản trị | Ông La Văn Hoàng | Chủ tịch |
| | Bà La Bùi Hồng Ngọc | Phó Chủ tịch |
| | Bà Bùi Bích Hồng | Thành viên |
| | Ông La Hoài Nam | Thành viên |
| | Ông La Bùi Hoàng Nghĩa | Thành viên |
| | Ông Jean-Eric Jacquemin | Thành viên |
| Ban Tổng Giám đốc | Ông La Văn Hoàng | Tổng Giám đốc |
| | Bà La Bùi Hồng Ngọc | Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh và Quan hệ Đối ngoại |
| | Bà Nguyễn Thị Kim Chi | Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Đầu tư |
| | Ông La Bùi Hoàng Nghĩa | Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị |
| | Bà Nguyễn Bạch Kim Vy | Phó Tổng Giám đốc Nhân sự |
| | Bà Đào Thị Thuận | Phó Tổng Giám đốc Cung ứng và Điều vận |
| | Bà Nguyễn Thị Châu | Giám đốc Quản trị Rủi Ro |
| | Ông Đặng Thái Bình | Giám đốc Pháp chế |

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 133.339.796.949 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 26.411.450.781 VND). Trong kỳ, Công ty không công bố cổ tức (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: hoàn nhập cổ tức là 26.125.039.000 VND).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho mỗi giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ. Khi lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- Lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Công ty đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các qui định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

La Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến trang 52. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công tác kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ, các qui định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi muốn lưu ý rằng chúng tôi không soát xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và bất kỳ các thuyết minh liên quan nào khác. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét về các báo cáo này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 14-01-418 (PL)



Nguyễn Thành Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|-------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 1.030.607.920.672 | 957.253.949.627 |
| Tiền | 110 | 6 | 59.436.834.976 | 30.314.568.295 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 7(a) | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn | 130 | | 818.942.975.779 | 749.116.464.404 |
| Phải thu của khách hàng | 131 | 8 | 213.796.183.435 | 212.524.040.031 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 16.361.995.506 | 4.624.945.919 |
| Phải thu về cho vay | 135 | 9 | 541.000.000.000 | 689.155.000.000 |
| Phải thu khác | 136 | 10 | 48.128.399.790 | 93.599.487.905 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 137 | 11 | (343.602.952) | (250.787.009.451) |
| Hàng tồn kho | 140 | 12 | 49.871.939.848 | 72.438.801.176 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 52.356.170.069 | 55.384.115.752 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 17(a) | 10.419.962.011 | 8.286.004.442 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 28.353.346.384 | 33.515.249.636 |
| Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước | 153 | 20(b) | 13.582.861.674 | 13.582.861.674 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 883.025.006.789 | 778.658.542.887 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 4.574.458.971 | 2.341.143.141 |
| Tài sản cố định | 220 | | 439.522.617.644 | 442.444.669.418 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 148.114.583.404 | 157.990.897.323 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 423.511.354.095 | 417.273.638.470 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (275.396.770.691) | (259.282.741.147) |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 224 | 14 | 73.933.750.236 | 66.780.336.927 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 109.097.338.878 | 96.288.113.175 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (35.163.588.642) | (29.507.776.248) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 15 | 217.474.284.004 | 217.673.435.168 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 225.360.341.474 | 225.198.768.974 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (7.886.057.470) | (7.525.333.806) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 12.043.764.546 | 7.877.684.546 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 16 | 12.043.764.546 | 7.877.684.546 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 375.688.263.541 | 292.805.724.000 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | 7(b) | 696.085.724.000 | 426.085.724.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 7(b) | (320.397.460.459) | (133.280.000.000) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 51.195.902.087 | 33.189.321.782 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 17(b) | 20.708.825.756 | 33.189.321.782 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 18 | 30.487.076.331 | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.913.632.927.461 | 1.735.912.492.514 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 1.278.077.101.994 | 1.233.696.463.996 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.204.946.029.798 | 1.168.044.312.570 |
| Phải trả người bán | 311 | 19 | 397.331.085.636 | 391.522.186.406 |
| Người mua trả tiền trước | 312 | | 210.624.416.937 | 132.565.512.267 |
| Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước | 313 | 20(a) | 450.127.265 | 571.649.165 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 629.249 | 17.713.240 |
| Chi phí phải trả | 315 | 21 | 3.579.807.596 | 4.862.960.607 |
| Phải trả khác | 319 | 22 | 14.600.625.825 | 16.302.716.377 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 23(a) | 576.375.950.438 | 620.218.187.656 |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 322 | | 1.983.386.852 | 1.983.386.852 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 73.131.072.196 | 65.652.151.426 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 23(b) | 73.131.072.196 | 65.652.151.426 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 635.555.825.467 | 502.216.028.518 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 24 | 635.555.825.467 | 502.216.028.518 |
| Vốn cổ phần | 411 | 25 | 522.500.000.000 | 522.500.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 46.900.000.000 | 46.900.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | 25 | (88.088.780.000) | (88.088.780.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 26 | 10.973.114.162 | 10.973.114.162 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 26 | 192.503.849 | 192.503.849 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 143.078.987.456 | 9.739.190.507 |
| - <i>LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước</i> | 421a | | 9.739.190.507 | 12.270.500.602 |
| - <i>LNST/(Lỗ) chưa phân phối kỳ này</i> | 421b | | 133.339.796.949 | (2.531.310.095) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.913.632.927.461 | 1.735.912.492.514 |

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:


 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 La Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

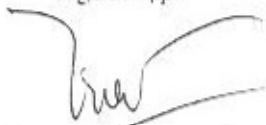
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


| | Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|--|-----------|-------------|------------------------------|-----------------------------------|
| | | | 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND Chưa soát xét |
| Doanh thu bán hàng | 01 | 29 | 652.090.396.239 | 825.184.822.932 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 29 | 328.940.505 | 63.599.605 |
| Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02) | 10 | 29 | 651.761.455.734 | 825.121.223.327 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 30 | 568.878.623.380 | 752.464.477.436 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 82.882.832.354 | 72.656.745.891 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 31 | 25.151.960.192 | 20.229.016.137 |
| Chi phí tài chính | 22 | 32 | (38.624.605.235) | 23.450.862.815 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>21.257.149.542</i> | <i>22.586.649.487</i> |
| Chi phí bán hàng | 25 | 33 | 19.431.736.709 | 19.601.309.349 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 34 | 22.260.683.814 | 24.656.581.541 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 104.966.977.258 | 25.177.008.323 |
| Thu nhập khác | 31 | 35 | 4.983.855.933 | 3.921.878.157 |
| Chi phí khác | 32 | 36 | 4.429.579.451 | 2.336.082.226 |
| Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 554.276.482 | 1.585.795.931 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 105.521.253.740 | 26.762.804.254 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 38 | 2.668.533.122 | 258.734.371 |
| (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 38 | (30.487.076.331) | 92.619.102 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 133.339.796.949 | 26.411.450.781 |

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:


 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Lê Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã Thuyết số minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|--|----------------------|------------------------------|-----------------------------------|
| | | 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND Chưa soát xét |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 105.521.253.740 | 26.762.804.254 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | 22.130.565.602 | 22.152.073.111 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (63.325.946.040) | - |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 1.475.398.991 | - |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình | 05 | - | (176.217.716) |
| Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang | 05 | - | 52.410.480 |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 05 | (24.974.040.715) | (19.765.737.770) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 21.257.149.542 | 22.586.649.487 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 62.084.381.120 | 51.611.981.846 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | (10.708.560.164) | (68.166.677.675) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | 22.566.861.328 | 36.705.585.030 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | 82.604.199.004 | 48.440.009.422 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 10.346.538.457 | (1.427.553.387) |
| | | 166.893.419.745 | 67.163.345.236 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (23.055.869.326) | (17.678.265.647) |
| Thuế thu nhập đã nộp | 15 | (2.668.533.122) | (2.746.722.412) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh | 20 | 141.169.017.297 | 46.738.357.177 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (1.912.893.610) | (808.484.761) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | - | 360.000.200 |
| Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn | 23 | (50.000.000.000) | (120.000.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn | 23 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Tiền chi cho các công ty con vay | 23 | (45.500.000.000) | (39.000.000.000) |
| Tiền thu hồi các khoản cho các công ty con vay | 24 | 193.655.000.000 | 22.000.000.000 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|--|-----------|-------------|------------------------------|-----------------------------------|
| | | | 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND Chưa soát xét |
| Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác | 25 | | (270.000.000.000) | - |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | | 73.417.509.152 | 1.690.851.583 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư | 30 | | (50.340.384.458) | (85.757.632.978) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 559.080.365.434 | 742.744.475.893 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (608.856.338.599) | (743.825.544.825) |
| Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | (11.929.820.199) | (9.388.652.793) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | | - | (27.676.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính | 40 | | (61.705.793.364) | (10.497.398.225) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 29.122.839.475 | (49.516.674.026) |
| Tiền đầu kỳ | 60 | | 30.314.568.295 | 57.619.034.740 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền | 61 | | (572.794) | - |
| Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 6 | 59.436.834.976 | 8.102.360.714 |

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 5 công ty con (1/1/2015: 5 công ty con) như được liệt kê ở Thuyết minh 7(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 463 nhân viên (1/1/2015: 369 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các qui định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 175 tỷ VND (1/1/2015: 211 tỷ VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 23). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Công ty có thể tạo ra đủ dòng tiền cho các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Công ty không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục cung cấp đầy đủ các hạn mức tín dụng.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau đây trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

- Ghi nhận các chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a))

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 25 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 5 – 8 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(f).

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(ii) Nhãn hiệu thương mại

Nhãn hiệu thương mại được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan có đề cập đến các công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong một hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

(b) Báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý

(i) Doanh thu và chi tiêu vốn bộ phận

| | Trong nước | | Xuất khẩu | | Tổng cộng | |
|----------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 | 30/6/2015 | 30/6/2014 | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| Doanh thu bán ra bên ngoài | 591.923.741.471 | 677.206.828.920 | 59.837.714.263 | 147.914.394.407 | 651.761.455.734 | 825.121.223.327 |
| Chi tiêu vốn | 1.912.893.610 | 808.484.761 | - | - | 1.912.893.610 | 808.484.761 |
| | | Chưa soát xét | | Chưa soát xét | | Chưa soát xét |

(ii) Tài sản bộ phận

| | Trong nước | | Xuất khẩu | | Tổng cộng | |
|-----------------|-------------------|-------------------|-----------|----------|-------------------|-------------------|
| | 30/6/2015 | | 30/6/2015 | | 30/6/2015 | |
| | VND | 1/1/2015 | VND | 1/1/2015 | VND | 1/1/2015 |
| Tài sản bộ phận | 1.913.632.927.461 | 1.735.912.492.514 | - | - | 1.913.632.927.461 | 1.735.912.492.514 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|--------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 3.225.514.297 | 5.542.861.655 |
| Tiền gửi ngân hàng | 56.211.320.679 | 24.771.706.640 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 59.436.834.976 | 30.314.568.295 |

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|--------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |

Tiền gửi có kỳ hạn một năm và hưởng lãi suất năm 7,1%/năm (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 6,5%/năm).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty con

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

| | Địa chỉ | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng giảm giá VND |
|--|---------------------------------|----------|--------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|
| ▪ Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | 99% | 99% | 322.280.000.000 | (*) | (239.397.460.459) |
| ▪ Công ty Cổ phần PET Quốc tế | Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | 98% | 98% | 78.400.000.000 | (*) | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú | Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam | 98% | 98% | 81.000.000.000 | (*) | (81.000.000.000) |
| ▪ Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 99% | 99% | 116.005.724.000 | (*) | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế | Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | 99% | 99% | 98.400.000.000 | (*) | - |
| | | | | 696.085.724.000 | | (320.397.460.459) |

Ngày 1 tháng 1 năm 2015

| | Địa chỉ | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng giảm giá VND |
|--|---------------------------------|----------|--------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|
| ▪ Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | 95% | 95% | 52.280.000.000 | (*) | (52.280.000.000) |
| ▪ Công ty Cổ phần PET Quốc tế | Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | 98% | 98% | 78.400.000.000 | (*) | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú | Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam | 98% | 98% | 81.000.000.000 | (*) | (81.000.000.000) |
| ▪ Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 99% | 99% | 116.005.724.000 | (*) | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế | Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | 99% | 99% | 98.400.000.000 | (*) | - |
| | | | | 426.085.724.000 | | (133.280.000.000) |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (**) Khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng Vietcombank để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn cấp cho Công ty Cổ phần PET Quốc tế.
- (***) Khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng Vietcombank theo mệnh giá 23.388 triệu VND để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn cấp cho Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Số dư đầu kỳ | 133.280.000.000 | 133.280.000.000 |
| Chuyển từ dự phòng phải thu khó đòi | 250.443.406.499 | - |
| Hoàn nhập | (63.325.946.040) | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối kỳ | 320.397.460.459 | 133.280.000.000 |

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế | 81.364.885.303 | 106.008.344.532 |
| Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam | 30.802.504.133 | 24.216.654.523 |
| Khách hàng khác | 101.628.793.999 | 82.299.040.976 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 213.796.183.435 | 212.524.040.031 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan:

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Các công ty con | | |
| Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế | 81.364.885.303 | 106.008.344.532 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú | 5.863.586.743 | 5.128.621.743 |
| Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam | 408.444.438 | 596.510.580 |
| Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế | 386.771.000 | 373.452.200 |
| Công ty Cổ phần PET Quốc tế | 22.000.000 | 535.229.965 |

Khoản thương mại phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 60 - 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|-------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Cho các công ty con vay | 541.000.000.000 | 689.155.000.000 |

Khoản cho các công ty con vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,5% đến 6,8% (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 6,8% đến 7,0% một năm).

10. Phải thu khác

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lãi phải thu từ khoản cho các công ty con vay | 41.458.582.792 | 89.914.358.729 |
| Lãi phải thu từ tiền gửi | 75.501.944 | 63.194.444 |
| Khác | 6.594.315.054 | 3.621.934.732 |
| | 48.128.399.790 | 93.599.487.905 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|--|--------------------|--------------------------|--------------------|--------------------------|
| | Số ngày quá hạn | Giá trị ghi số VND | Số ngày quá hạn | Giá trị ghi số VND |
| Nợ quá hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế | 1 năm | - | 1 năm | 250.443.406.499 |
| Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng ĐaKai | 2 – 3 năm | 84.092.264 | 2 – 3 năm | 84.092.264 |
| Công ty TNHH Vàng Biển Đông | 2 – 3 năm | 89.994.528 | 2 – 3 năm | 89.994.528 |
| Công ty Cổ Phần Công Nghiệp MASAN | 2 – 3 năm | 118.467.360 | 2 – 3 năm | 118.467.360 |
| Công ty TNHH TMDV Minh Quân | 2 – 3 năm | 37.573.800 | 2 – 3 năm | 37.573.800 |
| Khác | 2 – 3 năm | 13.475.000 | 2 – 3 năm | 13.475.000 |
| | | 343.602.952 | | 250.787.009.451 |
| | | - | | - |
| | | 343.602.952 | | 250.787.009.451 |

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

343.602.952

250.787.009.451

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Hàng mua đang đi đường | - | 9.489.232.538 |
| Nguyên vật liệu | 33.274.329.250 | 43.204.412.232 |
| Công cụ và dụng cụ | 336.270.280 | 207.676.046 |
| Sản phẩm dở dang | 1.214.312.184 | 865.019.734 |
| Thành phẩm | 13.690.806.666 | 13.647.879.526 |
| Hàng hóa | 172.775.648 | 413.205.680 |
| Hàng gửi đi bán | 1.183.445.820 | 4.611.375.420 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 49.871.939.848 | 72.438.801.176 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa VND | Thiết bị văn phòng VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tổng cộng VND |
|---|----------------|------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------|
| Số dư đầu kỳ | 29.490.903.073 | 5.870.989.400 | 359.873.595.678 | 22.038.150.319 | 417.273.638.470 |
| Tăng trong kỳ | - | 71.155.490 | 1.570.495.052 | 109.670.568 | 1.751.321.110 |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính | - | - | 4.486.394.515 | - | 4.486.394.515 |
| Số dư cuối kỳ | 29.490.903.073 | 5.942.144.890 | 365.930.485.245 | 22.147.820.887 | 423.511.354.095 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 14.070.024.212 | 4.002.708.799 | 231.486.032.395 | 9.723.975.741 | 259.282.741.147 |
| Khấu hao trong kỳ | 720.327.066 | 460.287.723 | 11.652.445.167 | 1.187.318.812 | 14.020.378.768 |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính | - | - | 2.093.650.776 | - | 2.093.650.776 |
| Số dư cuối kỳ | 14.790.351.278 | 4.462.996.522 | 245.232.128.338 | 10.911.294.553 | 275.396.770.691 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 15.420.878.861 | 1.868.280.601 | 128.387.563.283 | 12.314.174.578 | 157.990.897.323 |
| Số dư cuối kỳ | 14.700.551.795 | 1.479.148.370 | 120.698.356.905 | 11.236.526.334 | 148.114.583.404 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 168.563 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 163.952 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 99.652 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 110.814 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 23(a)).

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

| | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tổng VND |
|---|--|---|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu kỳ | 96.288.113.175 | - | 96.288.113.175 |
| Tăng trong kỳ | - | 17.295.620.218 | 17.295.620.218 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (4.486.394.515) | - | (4.486.394.515) |
| Số dư cuối kỳ | 91.801.718.660 | 17.295.620.218 | 109.097.338.878 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu kỳ | 29.507.776.248 | - | 29.507.776.248 |
| Khấu hao trong kỳ | 7.394.503.398 | 354.959.772 | 7.749.463.170 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (2.093.650.776) | - | (2.093.650.776) |
| Số dư cuối kỳ | 34.808.628.870 | 354.959.772 | 35.163.588.642 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu kỳ | 66.780.336.927 | - | 66.780.336.927 |
| Số dư cuối kỳ | 56.993.089.790 | 16.940.660.446 | 73.933.750.236 |

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 23(b)(ii)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu kỳ | 223.271.298.600 | 1.927.470.374 | 225.198.768.974 |
| Tăng trong kỳ | - | 161.572.500 | 161.572.500 |
| Số dư cuối kỳ | 223.271.298.600 | 2.089.042.874 | 225.360.341.474 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu kỳ | 5.709.969.247 | 1.815.364.559 | 7.525.333.806 |
| Khấu hao trong kỳ | 273.945.780 | 86.777.884 | 360.723.664 |
| Số dư cuối kỳ | 5.983.915.027 | 1.902.142.443 | 7.886.057.470 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu kỳ | 217.561.329.353 | 112.105.815 | 217.673.435.168 |
| Số dư cuối kỳ | 217.287.383.573 | 186.900.431 | 217.474.284.004 |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.457 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 9.245 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 9.387 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 23(a)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|---|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Số dư đầu kỳ | 7.877.684.546 | 10.637.595.278 |
| Tăng trong kỳ | 4.166.080.000 | 65.898.202 |
| Xóa sổ | - | (52.410.480) |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | - | (65.898.202) |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | - | (2.707.500.252) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối kỳ | 12.043.764.546 | 7.877.684.546 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|------------------------|------------------|---------------|-----------------|------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Phần mềm ERP | 7.356.980.546 | 7.356.980.546 | | |
| Phương tiện vận chuyển | 4.166.080.000 | - | | |
| Khác | 520.704.000 | 520.704.000 | | |
| | <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> |
| | 12.043.764.546 | 7.877.684.546 | | |

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|--------------------------------------|------------------|---------------|-----------------|------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước | 10.419.962.011 | 8.286.004.442 | | |
| | <hr/> | <hr/> | | |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

| | Công cụ và dụng cụ VND | Nhãn hiệu thương mại (*) VND | Tổng cộng VND |
|------------------|---------------------------------------|---|--------------------------|
| Số dư đầu kỳ | 1.164.321.782 | 32.025.000.000 | 33.189.321.782 |
| Tăng trong kỳ | 4.834.312.453 | - | 4.834.312.453 |
| Phân bổ trong kỳ | (1.564.808.479) | - | (1.564.808.479) |
| Giảm khác (**) | - | (15.750.000.000) | (15.750.000.000) |
| | <u>4.433.825.756</u> | <u>16.275.000.000</u> | <u>20.708.825.756</u> |

(*) Khoản này phản ánh giá trị nhãn hiệu thương mại mua lại từ Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú, các công ty con.

(**) Giảm khác phản ánh giá trị nhãn hiệu thương mại trước đây mua từ Công ty cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế (trước đây là Công ty cổ phần thực phẩm Đông Á) nay hoàn trả lại cho Công ty cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế.

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

| | Thuế suất | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|--|------------------|--------------------------|-------------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | | |
| Giá trị tính thuế của các khoản lỗ mang sang | 22% | 30.487.076.331 | - |
| | | <u>30.487.076.331</u> | |

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|--|--------------------------------|------------------------------|--|--------------------------------------|
| | Chênh lệch tạm thời | Giá trị tính thuế | Chênh lệch tạm thời VND | Giá trị tính thuế VND |
| Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ | - | - | 250.443.406.499 | 55.097.549.430 |
| | | | <u>250.443.406.499</u> | <u>55.097.549.430</u> |

Lỗ tính thuế hết hạn năm 2020.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|--------------------------------|------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------------|
| | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị thanh toán VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị thanh toán VND |
| Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế | 315.035.589.621 | 315.035.589.621 | 263.189.527.715 | 263.189.527.715 |
| Các nhà cung cấp khác | 82.295.496.015 | 82.295.496.015 | 128.332.658.691 | 128.332.658.691 |
| | <u>397.331.085.636</u> | <u>397.331.085.636</u> | <u>391.522.186.406</u> | <u>391.522.186.406</u> |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty con | | |
| Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế | 315.035.589.621 | 263.189.527.715 |
| Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam | 19.016.729.917 | 19.367.269.174 |
| Công ty Cổ phần PET Quốc tế | 4.399.033.595 | 29.876.326.199 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú | 242.398.404 | 62.700.000 |
| | <u>680.852.113.537</u> | <u>575.533.893.088</u> |

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Số dư khoản phải trả người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 không quá hạn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2015 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp trong năm VND | 30/6/2015 VND |
|----------------------------|-----------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 323.454.774 | 17.892.932.855 | (18.039.523.041) | 176.864.588 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 2.668.533.122 | (2.668.533.122) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 248.194.391 | 2.628.039.847 | (2.602.971.561) | 273.262.677 |
| Thuế nhập khẩu | - | 308.141.168 | (308.141.168) | - |
| | 571.649.165 | 23.497.646.992 | (23.619.168.892) | 450.127.265 |

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

| | 1/1/2015 VND | Số phải thu trong năm VND | Số đã được hoàn lại trong năm VND | 30/6/2015 VND |
|----------------------------|-----------------|---------------------------------|--|------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 13.582.861.674 | - | - | 13.582.861.674 |

21. Chi phí phải trả

| | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|------------------|------------------|-----------------|
| Lương và thưởng | 1.914.706.914 | 3.642.741.292 |
| Lãi vay phải trả | 437.392.931 | 392.801.604 |
| Chi phí khác | 1.227.707.751 | 827.417.711 |
| | 3.579.807.596 | 4.862.960.607 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi vay phải trả | 14.068.344.459 | 15.911.655.570 |
| Khác | 532.281.366 | 391.060.807 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 14.600.625.825 | 16.302.716.377 |

Các khoản phải trả khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 không quá hạn.

(b) Phải trả khác cho các bên liên quan

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|--------------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Phải trả các công ty liên quan | 14.068.344.459 | 15.911.655.570 |
| | <hr/> | <hr/> |

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| 23. Vay và nợ thuê tài chính | Biến động trong kỳ | | | | | |
|---|--------------------|---------------------------|-----------------|-------------------|---------------------------|---------------------------|
| | 1/1/2015 | | 30/6/2015 | | Số có khả năng trả nợ VND | |
| (a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | Giá trị ghi sổ VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị ghi sổ VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn | 606.755.745.549 | 606.755.745.549 | 559.080.365.434 | (607.341.346.118) | 558.494.764.865 | 558.494.764.865 |
| Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (b)(ii) | 13.462.442.107 | 13.462.442.107 | 12.407.267.665 | (7.988.524.199) | 17.881.185.573 | 17.881.185.573 |
| | 620.218.187.656 | 620.218.187.656 | 571.487.633.099 | (615.329.870.317) | 576.375.950.438 | 576.375.950.438 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|-----------------------|-----------|--------------|-----------------|-----------------|
| Ngân hàng Vietcombank | VND | 6,0% - 6,5% | 293.351.008.453 | 199.240.811.234 |
| Ngân hàng Vietcombank | USD | 3,0% - 3,5% | 102.656.010.912 | 199.256.237.315 |
| Ngân hàng Bảo Việt | VND | 7,0% | 11.487.745.500 | 23.258.697.000 |
| Các công ty liên quan | VND | 6,5% - 8,5% | 151.000.000.000 | 185.000.000.000 |
| | | | 558.494.764.865 | 606.755.745.549 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 99.652 triệu VND và 9.245 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: tài sản cố định hữu hình là 110.814 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 9.387 triệu VND) (thuyết minh 13 và thuyết minh 15).

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|---------------------------------------|------|------------------|------------------|
| Vay dài hạn | (i) | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | (ii) | 51.012.257.769 | 39.114.593.533 |
| | | 91.012.257.769 | 79.114.593.533 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | | (17.881.185.573) | (13.462.442.107) |
| | | 73.131.072.196 | 65.652.151.426 |

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|-------------------|-----------|--------------|-------------|------------------|-----------------|
| Một bên liên quan | VND | 11,0% | 2016 | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |

Vay dài hạn từ một bên liên quan không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính như sau:

| | 30/6/2015 VND | | |
|--------------------|--|----------------------|----------------|
| | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính | Tiền lãi thuê | Nợ gốc |
| Trong vòng một năm | 21.573.931.245 | 3.692.745.672 | 17.881.185.573 |
| Từ hai đến năm năm | 35.649.089.491 | 2.518.017.295 | 33.131.072.196 |
| | 57.223.020.736 | 6.210.762.967 | 51.012.257.769 |
| | 1/1/2015 VND | | |
| | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính | Tiền lãi thuê | Nợ gốc |
| Trong vòng một năm | 16.811.064.612 | 3.348.622.505 | 13.462.442.107 |
| Từ hai đến năm năm | 28.615.724.386 | 2.963.572.960 | 25.652.151.426 |
| | 45.426.788.998 | 6.312.195.465 | 39.114.593.533 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư và phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | (Lỗ lũy kế/ Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---|--------------------|--------------------------------|------------------------|------------------------------------|--|---|------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 | 522.500.000.000 | 46.900.000.000 | (780.000) | 10.973.114.162 | 192.503.849 | (40.265.989.179) | 540.298.848.832 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | - | 26.411.450.781 | 26.411.450.781 |
| Hoàn nhập cổ tức (thuyết minh 27) | - | - | - | - | - | 26.125.039.000 | 26.125.039.000 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 | 522.500.000.000 | 46.900.000.000 | (780.000) | 10.973.114.162 | 192.503.849 | 12.270.500.602 | 592.835.338.613 |
| Lỗ thuần trong kỳ | - | - | - | - | - | (2.531.310.095) | (2.531.310.095) |
| Mua lại cổ phiếu quỹ | - | - | (88.088.000.000) | - | - | - | (88.088.000.000) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 | 522.500.000.000 | 46.900.000.000 | (88.088.780.000) | 10.973.114.162 | 192.503.849 | 9.739.190.507 | 502.216.028.518 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | - | 133.339.796.949 | 133.339.796.949 |
| Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 | 522.500.000.000 | 46.900.000.000 | (88.088.780.000) | 10.973.114.162 | 192.503.849 | 143.078.987.456 | 635.555.825.467 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|---------------------------------------|-------------|------------------|-------------|------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 52.250.000 | 522.500.000.000 | 52.250.000 | 522.500.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 52.250.000 | 522.500.000.000 | 52.250.000 | 522.500.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | (4.004.078) | (88.088.780.000) | (4.004.078) | (88.088.780.000) |
| Số cổ phiếu hiện đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 48.245.922 | 434.411.220.000 | 48.245.922 | 434.411.220.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2014, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam đã phán quyết việc Công ty mua lại 4.004.000 cổ phiếu quỹ từ Red River Holding với giá 22.000 VND một cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ này đã được mua lại vào tháng 12 năm 2014.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

| | Số cổ phiếu | % |
|---------------------|-------------------|-------------|
| Ông La Văn Hoàng | 15.822.496 | 32,80% |
| Bà Bùi Bích Hồng | 9.746.823 | 20,20% |
| Bà La Bùi Hồng Ngọc | 9.586.963 | 19,87% |
| Red River Holding | 1.633.874 | 3,39% |
| Cổ đông khác | 11.455.766 | 23,74% |
| | 48.245.922 | 100% |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

27. Cổ tức

Trong kỳ, Công ty không công bố cổ tức (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: hoàn nhập cổ tức là 26.125.039.000 VND).

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|----------|-----------|-----------------|-----------|-----------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| Ngoại tệ | | | | |
| USD | 132.595 | 2.887.921.255 | 34.732 | 742.325.754 |
| EUR | 6.526 | 157.845.094 | 566 | 14.674.846 |
| | | 3.045.766.349 | | 757.000.600 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Tổng doanh thu | | |
| Bán hàng | 652.090.396.239 | 825.184.822.932 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Hàng bán bị trả lại | (328.940.505) | (63.599.605) |
| Doanh thu thuần | 651.761.455.734 | 825.121.223.327 |

30. Giá vốn hàng bán

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|-------------------|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Thành phẩm đã bán | 229.713.523.080 | 275.373.130.860 |
| Hàng hóa đã bán | 339.165.100.300 | 477.091.346.576 |
| Giá vốn hàng bán | 568.878.623.380 | 752.464.477.436 |

31. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay | 24.974.040.715 | 19.765.737.770 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 177.919.477 | 463.278.367 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 25.151.960.192 | 20.229.016.137 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí tài chính

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Chi phí lãi vay | 21.257.149.542 | 22.586.649.487 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư | (63.325.946.040) | - |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá | 3.444.191.263 | 864.213.328 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | (38.624.605.235) | 23.450.862.815 |
| | <hr/> | <hr/> |

33. Chi phí bán hàng

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Chi phí nhân viên | 7.366.552.935 | 7.517.923.639 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 246.309.554 | (116.384.205) |
| Chi phí khấu hao | 34.551.976 | 81.014.251 |
| Chi phí vận chuyển | 8.717.451.184 | 7.335.185.590 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.635.092.739 | 3.154.142.475 |
| Chi phí hoa hồng cho nhà phân phối | 833.596.508 | 797.836.000 |
| Khác | 598.181.813 | 831.591.599 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 19.431.736.709 | 19.601.309.349 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|----------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Chi phí nhân viên | 12.440.938.118 | 14.665.884.412 |
| Chi phí thiết bị văn phòng | 54.655.430 | 62.059.710 |
| Chi phí khấu hao | 1.224.773.559 | 1.708.524.390 |
| Phí và lệ phí | 32.081.472 | 49.617.772 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.910.326.485 | 3.225.145.760 |
| Khác | 5.597.908.750 | 4.945.349.497 |
| | <hr/> | |
| | 22.260.683.814 | 24.656.581.541 |
| | <hr/> | |

35. Thu nhập khác

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|---------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | - | 176.217.716 |
| Thu nhập từ cho thuê | 4.347.718.002 | 3.285.000.000 |
| Thu nhập khác | 636.137.931 | 460.660.441 |
| | <hr/> | |
| | 4.983.855.933 | 3.921.878.157 |
| | <hr/> | |

36. Chi phí khác

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Chi phí khấu hao của tài sản thuế | 2.246.509.692 | 1.858.716.534 |
| Các khoản thuế phạt | 1.751.674.008 | 107.069.745 |
| Chi phí khác | 431.395.751 | 370.295.947 |
| | <hr/> | |
| | 4.429.579.451 | 2.336.082.226 |
| | <hr/> | |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|--|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 198.340.180.704 | 169.467.009.403 |
| Giá vốn hàng hóa đã bán | 351.860.886.523 | 477.091.346.576 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 34.625.805.496 | 32.471.177.812 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 22.130.565.602 | 22.152.073.111 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 15.475.991.568 | 15.186.688.269 |
| Chi phí khác | 23.779.425.804 | 20.700.113.062 |

38. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|---|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Dự phòng thiếu trong những kỳ trước | 2.668.533.122 | 258.734.371 |
| (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Phát sinh các chênh lệch tạm thời | - | 92.619.102 |
| Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận | (30.487.076.331) | - |
| | (30.487.076.331) | 92.619.102 |
| | (27.818.543.209) | 351.353.473 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|--|------------------------------|-----------------------------------|
| | 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND Chưa soát xét |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 105.521.253.740 | 26.762.804.254 |
| Thuế theo thuế suất Công ty | 23.214.675.823 | 5.887.816.936 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 1.395.797.276 | 641.688.619 |
| Lợi ích của tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trước đây | (55.097.549.430) | - |
| Dự phòng thiếu trong những kỳ trước | 2.668.533.122 | 258.734.371 |
| Lỗi tính thuế được sử dụng | - | (6.436.886.453) |
| | (27.818.543.209) | 351.353.473 |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập. Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế. Mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

39. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, Công ty hướng đến phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản cho các công ty con vay.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

| | Thuyết minh | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|--|------------------------|--------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi ngân hàng | (ii) | 56.211.320.679 | 24.771.706.640 |
| Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi kỳ hạn) | (ii) | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Phải thu về cho vay | (iii) | 541.000.000.000 | 689.155.000.000 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | (iv) | 261.580.980.273 | 55.336.518.485 |
| Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành | (v) | 465.184.091.805 | 499.533.785.442 |
| | | <hr/> | <hr/> |
| | | 1.373.976.392.757 | 1.318.797.010.567 |

(ii) Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay phản ánh các khoản cho các công ty con vay nhằm hỗ trợ các công ty này trong giai đoạn phát triển. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng các khoản cho vay này có thể thu hồi khi các công ty con hoạt động hết công suất.

(iv) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 60 đến 120 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ như sau:

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|--------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Quá hạn từ 0 – 30 ngày | 10.967.950.962 | 11.663.665.613 |
| Quá hạn từ 31 – 180 ngày | 5.754.865.755 | 887.343.253 |
| Quá hạn trên 180 ngày | 919.939.940 | 595.968.808 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 17.642.756.657 | 13.146.977.674 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|--|-------------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Số dư đầu kỳ | 250.787.009.451 | 235.436.308.749 |
| Chuyển sang dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (250.443.406.499) | - |
| Số dư cuối kỳ | 343.602.952 | 235.436.308.749 |

(v) Bảo lãnh

Chính sách của Công ty là cung cấp các bảo lãnh tài chính cho các công ty con. Tại ngày báo cáo, các khoản bảo lãnh chưa thanh toán như sau:

| Bảo lãnh | Bảo lãnh cho các khoản vay cấp cho | Số dư tại ngày | |
|-----------------------|---|-----------------------|-----------------|
| | | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
| | | VND | VND |
| Ngân hàng Bảo Việt | Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú | 26.050.887.183 | 41.241.275.183 |
| Ngân hàng Vietcombank | Công ty Cổ phần PET Quốc tế | 187.024.601.990 | 198.332.495.649 |
| Ngân hàng Vietcombank | Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam | 34.351.139.227 | 32.895.204.268 |
| Ngân hàng Vietcombank | Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu | 217.757.463.405 | 227.064.810.342 |
| | | 465.184.091.805 | 499.533.785.442 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

| | Giá trị ghi số VND | Dòng tiền theo hợp đồng VND | Trong vòng 1 năm VND | 1 - 2 năm VND | 2 - 5 năm VND |
|-------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------|---------------------|---------------------|
| Phải trả người bán và phải trả khác | 415.512.148.306 | 415.512.148.306 | 415.512.148.306 | - | - |
| Vay ngắn hạn | 558.494.764.865 | 586.750.988.734 | 586.750.988.734 | - | - |
| Vay dài hạn | 40.000.000.000 | 48.861.111.111 | - | 48.861.111.111 | - |
| Nợ thuê tài chính | 51.012.257.769 | 57.223.020.736 | 21.573.931.245 | 20.234.307.872 | 15.414.781.619 |
| | 1.065.019.170.940 | 1.108.347.268.887 | 1.023.837.068.285 | 69.095.418.983 | 15.414.781.619 |

Ngày 1 tháng 1 năm 2015

| | Giá trị ghi số VND | Dòng tiền theo hợp đồng VND | Trong vòng 1 năm VND | 1 - 2 năm VND | 2 - 5 năm VND |
|-------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------|---------------------|---------------------|
| Phải trả người bán và phải trả khác | 412.705.576.630 | 412.705.576.630 | 412.705.576.630 | - | - |
| Vay ngắn hạn | 606.755.745.549 | 621.890.704.396 | 621.890.704.396 | - | - |
| Vay dài hạn | 40.000.000.000 | 48.861.111.111 | - | 48.861.111.111 | - |
| Nợ thuê tài chính | 39.114.593.533 | 45.426.788.998 | 16.811.064.612 | 14.827.401.261 | 13.788.323.125 |
| | 1.098.575.915.712 | 1.128.884.181.135 | 1.051.407.345.638 | 63.688.512.372 | 13.788.323.125 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

| | 30/6/2015 USD | 1/1/2015 USD |
|---------------------|------------------|-----------------|
| Tiền | 132.595 | 34.732 |
| Phải thu khách hàng | 111.575 | 64.452 |
| Phải trả người bán | (1.848.255) | (2.562.348) |
| Vay ngắn hạn | (4.700.367) | (9.322.802) |
| | (6.304.452) | (11.785.966) |

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

| | Tỷ giá tại ngày | | | |
|-------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
| | VND Tỷ giá mua | VND Tỷ giá bán | VND Tỷ giá mua | VND Tỷ giá bán |
| 1 USD | 21.780 | 21.840 | 21.373 | 21.405 |

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo là không trọng yếu. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

| | Giá trị ghi sổ | |
|--|-------------------|-------------------|
| | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
| Các công cụ tài chính có lãi suất cố định | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi kỳ hạn) | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | (51.012.257.769) | (39.114.593.533) |
| | <hr/> | <hr/> |
| | (1.012.257.769) | 10.885.406.467 |
| Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi | | |
| Tiền | 56.211.320.679 | 24.771.706.640 |
| Phải thu về cho vay | 541.000.000.000 | 689.155.000.000 |
| Vay ngắn hạn | (558.494.764.865) | (606.755.745.549) |
| Vay dài hạn | (40.000.000.000) | (40.000.000.000) |
| | <hr/> | <hr/> |
| | (1.283.444.186) | 67.170.961.091 |

Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm sẽ làm giảm 10 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014; tăng 524 triệu VND lợi nhuận thuần). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

| Công ty liên quan | Nội dung giao dịch | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|--|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|
| | | 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND Chưa soát xét |
| Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế | Cho vay | 3.500.000.000 | 1.000.000.000 |
| | Hoàn trả cho nhãn hiệu thương mại | 15.750.000.000 | - |
| | Bán hàng hóa | 12.108.000 | 2.304.000 |
| | Thu nhập lãi cho vay | 5.425.712.946 | 6.286.533.972 |
| Công ty Cổ phần PET Quốc tế | Cho vay | 33.000.000.000 | 53.000.000.000 |
| | Chi phí lãi vay | 5.025.050.002 | 2.737.766.667 |
| | Bán hàng hóa | 40.933.410.800 | 105.634.825.067 |
| | Mua hàng hóa | 7.079.530.600 | 52.018.170.950 |
| | Thu nhập cho thuê | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú | Cho vay | 42.000.000.000 | - |
| | Vay | 3.000.000.000 | - |
| | Thu nhập cho thuê | 2.403.000.000 | 1.545.000.000 |
| | Chi phí thuê phải trả | 114.000.000 | 114.000.000 |
| | Bán hàng hóa | 60.260.000 | 250.110.000 |
| | Mua thành phẩm | 144.962.185 | - |
| | Thu nhập lãi cho vay | 17.832.630.562 | 11.788.352.215 |
| Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam | Bán hàng hóa | 16.232.299.415 | 22.016.374.439 |
| | Mua thành phẩm | 9.583.906.848 | 26.211.048.558 |
| | Hàng bán bị trả lại | 374.466 | 1.793.644 |
| | Mua tài sản cố định | 1.334.300.236 | - |
| | Chi phí lãi vay | 338.694.446 | 348.777.779 |
| | Chi phí thuê phải trả | 1.696.927.476 | - |
| Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu | Bán hàng hóa | 130.047.626.245 | 142.508.628.542 |
| | Mua hàng hóa | 197.825.336.807 | 199.161.871.640 |
| | Thu nhập cho thuê | 1.680.000.000 | 1.680.000.000 |
| | Chi phí lãi vay | 2.393.222.223 | 2.564.166.668 |
| Thành viên Ban Giám Đốc và Hội đồng Quản trị | Lương và thưởng | 6.751.019.230 | 6.751.019.230 |

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

41. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc | |
|--|------------------------------|----------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| | | Chưa soát xét |
| Nguyên giá của tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính | 21.461.700.218 | - |
| Thuế giá trị gia tăng của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính | 2.365.784.217 | - |
| Hoàn nhập cổ tức | - | 26.125.039.000 |

42. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 32.228.000 cổ phần tương đương 99,16% quyền sở hữu của mình trong Công ty cổ phần Sữa & Bánh Kẹo Hoàng Đế, một công ty con, cho các cá nhân với giá 57.280.000.000 VND thanh toán bằng tiền.

C.P. * H.N. 11/2015

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

43. Số liệu so sánh

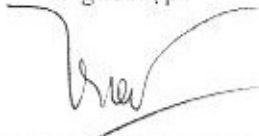
Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 200 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do đó, việc trình bày một số diễn giải trong báo cáo tài chính có sự thay đổi. Một số số liệu so sánh cụ thể tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 200 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng


| | 1/1/2015 VND (phân loại lại) | 1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây) |
|-----------------------------------|------------------------------------|--|
| Đầu tư ngắn hạn | - | 739.155.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 50.000.000.000 | - |
| Phải thu về cho vay | 689.155.000.000 | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | - | (187.155.000.000) |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (250.787.009.451) | (63.632.009.451) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 10.973.114.162 | - |
| Quỹ dự phòng tài chính | - | 10.973.114.162 |

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:


Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:


La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc